TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 8 - 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Khăng.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Mỹ T**, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số H, khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H, khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Hữu T1 tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm

1994, có tổ chức lễ cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống với nhau về vấn đề kinh tế tiền bạc, thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 30-8-1995; Nguyễn Thị Bảo Q, sinh ngày 03-02-1999; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11-5-2006. Hiện cháu T2, cháu Q đã thành niên và có khả năng lao động được; cháu N đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho cháu N.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà và ông T1 không có nợ chung.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1:*** Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông T1 tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông T1 vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hữu T1; giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11-5-2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T1 chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới hỏi và nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nay bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Xét thấy, bà T, ông T1 có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T, ông T1.

[3.2] Về con chung: Bà và ông T1 có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T2, sinh ngày 30-8-1995; Nguyễn Thị Bảo Q, sinh ngày 03-02-1999; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11-5-2006. Hiện cháu T2, cháu Q đã thành niên và có khả năng lao động được; cháu N đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, từ năm 2018 đến nay cháu N sống chung với bà T, được bà chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và cũng theo nguyện vọng của cháu N được sống với bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho cháu N, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Không có.

[3.5] Về nợ chung: Bà T trình bày, bà và ông T1 không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hữu T1.

2. *Về con chung*: Bà Phan Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11-5-2006. Hiện bà T đang nuôi con.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Phan Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011757 ngày 05-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi